TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/DS-PT
Ngày: 14/9/2023
V/v "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản trên đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngôn Ngọc Viên
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Như
Bà Doanh Thị Mây

Thư ký phiên tòa: Ông Nông Hữu Duy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Cao Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2023/TLPT-DS ngày 04/8/2023 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang bị kháng cáo,

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 81/ 2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nông Văn O;

Nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nông Văn S - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C; có mặt.

- *Bị đơn:* bà Hoàng Thị C;

Nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Hoàng Thị Htrợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Bế Thị L (vợ ông O)

Nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- Ông Hoàng Văn L1 (chồng bà C)

Nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt có lý do.

- Nông Văn B; vắng mặt có lý do.

- Thẩm Thị C1; vắng mặt có lý do.
- Hoàng Thị C2; vắng mặt có lý do.

Cùng địa chỉ: Xóm H, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Hoàng Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 30/12/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Nông Văn O và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cùng thống nhất trình bày: Tôi có thửa đất diện tích khoảng 18,06m^2, thửa đất trên nằm trong thửa số 105, tờ bản đò số 96, địa chỉ thửa đất: Xóm H, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng, hiện nay thửa đất trên chưa đăng ký tách thửa và chưa đăng ký sang tên quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất vẫn còn thuộc bìa đỏ của gia đình bà Hoàng Thị C. Về nguồn gốc thửa đất trên: Tháng 6 năm 2018 gia đình tôi đổi quyền sử dụng đất với gia đình bà Hoàng Thị C, việc đổi đất không làm văn bản và chưa đăng ký sang tên quyền sử dụng đất nhưng đã thực hiện đổi đất trên thực tế từ tháng 6 năm 2018 đến tháng 6 năm 2022 là được 4 năm.

Hiện trạng thửa đất đã được gia đình tôi tôn tạo, đầu tư thuê máy xúc về san gạt bằng và dọn đá trên đất để canh tác; về ranh giới, mốc giới thửa đất tôi đã lập hàng rào bằng cây và lấy lưới về quây, có đắp bờ ruộng làm mốc giới.

Quá trình tranh chấp: Tháng 6 năm 2022 bà Hoàng Thị C tự ý phá bờ rào là hàng cây và chặt phá lưới quây bờ rào là mốc giới do tôi xây dựng và san lấp đất xuống phần đất khoảng 18,06m^2 đất của gia đình tôi. Hành vi tự phá bờ rào, san gạt, lấp đất của bà Hoàng Thị C trên phần đất 18,06m^2 đất của gia đình tôi là hành vi lấn, chiếm đất trái pháp luật xâm phạm quyền sử dụng đất hợp pháp của tôi và gây thiệt hại về tài sản cho tôi. Tôi yêu cầu Tòa án công nhận thỏa thuận miệng (hợp đồng miệng) giữa tôi và bà Hoàng Thị C về việc chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp thực tế để xác định tôi là người có quyền sử dụng diện tích đất đã đổi. Công nhận quyền sử dụng đất diện tích khoảng 18,06m^2 đã đổi hợp pháp cho tôi, buộc bà Hoàng Thị C bồi thường thiệt hại về tài sản cho tôi, mức bồi thường là 1.000.000đ.

Bị đơn Hoàng Thị C và Hoàng Văn L1 cùng thống nhất khai: Tại đơn phản tố ngày 19/01/2022 bà C trình bày gia đình tôi và ông Nông Văn O có ruộng gần nhau ông O có 03 đám ruộng cạnh đám tôi, có 01 đám 18,06m^2 rất bé nên gia đình tôi mỗi lần canh tác gặt hái thì dùng bằng máy móc mỗi lần máy đi lại khó khăn vì gia đình ông O thắc mắc hỏng bờ ruộng. Còn ông L1 chồng tôi thì không làm chủ được bản thân khi uống rượu tôi sợ mỗi lần đi lại cãi nhau thì mất đoàn kết. Còn về thiệt hại bờ rào, gia đình tôi không được chặt nên không nhất trí bồi thường.

Ngày 15/3/2023, Tòa án tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự nhưng không thành.

Ngày 26/4/2023, Tòa án thành lập Hội đồng xuống xem xét thẩm định và định giá tại chỗ theo đơn của ông Nông Văn O, kết quả:

Kiểm tra trên bản đồ địa chính: Phần đất đang tranh chấp thuộc thửa 105, tờ bản đồ số 96, diện tích 126 m^2 diện tích phần đất đang tranh chấp khoảng 18,06m^2 nằm trong thửa đất số 105 tờ bản đồ số 96, có địa chỉ xóm H, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Kiểm tra trên thực địa:

- Phần đất ông O cho rằng bị vợ chồng bà C lấn chiếm có diện tích là 18,06m^2 *(ranh giới do vợ chồng ông O chỉ).*

- Tuy nhiên, qua đối chiếu trên bản đồ số của phần mềm quản lý chuyên ngành trên máy thì phần đất thực tế đang tranh chấp có diện tích khoảng 19m2 có hình bán nguyệt, có ranh giới, mốc giới là một bờ ruộng có chiều dài 8m, chiều rộng 20cm.

Phần đất đang tranh chấp có tứ cận như sau:

Phía tây giáp thửa 127, thửa 102 (mốc giới là một rãnh mương nhỏ do bà Hoàng Thị C vừa đào).

Phía đông giáp thửa 105 (mốc là bờ ruộng có chiều dài 8m do bà Hoàng Thị C lập từ trước).

Phía bắc giáp thửa 103 (ranh giới là bờ đất cao).

Phía nam giáp thửa 127 (có mộ trên đất)

Sau khi thẩm định xong bà Hoàng Thị C tự ý dùng xẻng đào xới và phá bờ ruộng tại phía đông giáp thửa 105. Hiện trạng trên phần đất không có gì, đất để không.

- Tổng diện tích vợ chồng ông O đang quản lý, canh tác là 18,06m^2 (Có sơ đồ kèm theo).

Phần định giá: Qua xem xét, toàn bộ số cây làm hàng rào và lưới quây đã bị chặt phá của gia đình ông O. Do các cây cọc đã bị chặt, hiện nay không còn gỗ hoặc củi để định giá, nên Hội đồng định giá áp dụng và quyết định số cây bị thiệt hại như sau: Tiền công lấy cây và làm bờ rào là 400.000đ (01 công); tiền cây làm hàng rào là 150.000đ; tiền lưới quây 100.000đ (lưới dài 8,6m). Tổng cộng tài sản định giá là 650.000đ (sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Hai bên đương sự nhất trí với kết quả xem xét thẩm định, nhất trí với kết quả định giá. còn bị đơn cho rằng không được chặt cây nên không nhất trí.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Là yêu cầu bà C trả lại 18,06m^2 đất đã chuyển đổi cho ông O và yêu cầu bà C bồi thường tiền cải tạo hàng rào số tiền 650.000đ. Xác nhận hiện nay trên đất đang tranh chấp không có tài sản gì.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Qua xem xét thẩm định xác định được vợ chồng bà C, ông L1 đã nhất trí đổi đất với gia đình ông O và bà L, từ tháng 6/2018 diện tích này nằm trong thửa 105 tờ bản

đồ 96. Vì vậy, sau khi đổi đất, hai gia đình đã thuê máy xúc về san gạt và không có ai phản đối và đã sử dụng ổn định từ năm 2018 và đã đắp bờ ngăn cách rõ ràng đến tháng 6 năm 2022 bà C tự ý đến phá bờ rào và đòi lại quyền sử dụng đất. Nay đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 12, 26 Luật Đất đai năm 2013; Các Điều 163, 164, 166, 584, 589 Bộ luật Dân sự 2015; buộc vợ chồng bà C trả lại 18,06m^2 đất lấn chiếm theo biên bản xem xét thẩm định ngày 26/4/2023 và bồi thường công cải tạo bờ rào thửa đất số tiền 650.000đ và có đơn xin miễn toàn bộ án phí.

- Bị đơn khai: Bị đơn xác nhận hiện nay trên đất đang tranh chấp không có tài sản gì và khai: Việc canh tác phần đất đang tranh chấp được sự nhất trí của hai gia đình về việc đổi đất từ tháng 6/2018 không có ý kiến. Hiện nay, qua xem xét thẩm định có sự lấn chiếm 18,06m^2, bà C không nhất trí trả lại đất đã đổi. Còn về yêu cầu bồi thường tiền cải tạo lại đất 650.000đ bị đơn không nhất trí bồi thường.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 15/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng đã căn cứ Điều 26, 229 và 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 12, 166, 170, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 166, 168, 169 Bộ luật Dân sự 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi lại đất đã đổi, buộc vợ chồng bà Hoàng Thị C trả lại cho vợ chồng ông Nông Văn O và bà Bế Thị L 18,06m^2 đất ruộng đã đổi từ năm 2018 nằm trong thửa 105, tờ bản đồ số 96, diện tích 18,06m^2. Phần đất tọa lạc tại, xóm H, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng, có ranh giới tứ cận theo biên bản xem xét thẩm định ngày 26/4/2023. Buộc vợ chồng ông L1 và bà C chấm dứt hành vi xâm phạm quyền sử dụng đất của gia đình nguyên đơn tại thửa 105, tờ bản đồ số 96, diện tích 18,06m^2 (có sơ đồ kèm theo). Ông Nông Văn O có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc vợ chồng bà Hoàng Thị C bồi thường công sức cải tạo lại bờ rào cho ông Nông Văn O số tiền 650.000đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/7/2023, bị đơn Hoàng Thị C có đơn kháng cáo không nhất trí đối với bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 15/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Hoàng Thị C giữ nguyên đơn kháng cáo, giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, đề nghị HĐXX xem xét lại bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn –bà Hoàng Thị H có ý kiến: do sự nhầm lẫn của cơ quan địa chính thì bà C cũng không có giấy tờ hợp pháp đối với thửa 105. theo quy định tại điều 168 luật đất đai 2013 thì việc đổi đất là không hợp pháp vì không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất. Do

vậy hợp đông đổi đất là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật (Điều 123 BLDS). Ngoài ra đối với việc ông O yêu cầu bà C bồi thường thiệt hại khi co sự kiện bà C phá rào vào ngày 31/10/2021 thì không có việc cơ quan chức năng kiểm đếm bồi thường thiệt hại, tuy nhiên việc định giá tài sản vẫn diễn ra vào ngày thẩm định khi không có tài sản trên đất là không chính xác nữa và yêu cầu của ông O bồi thường thiệt hại là không có căn cứ. Tòa án sơ thẩm không đưa ông B- bà C1 vào tham gia tố tụng là thiếu sót, tuy nhiên cấp phúc thẩm đã khắc phục được. Đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của ông Nông Văn O

Nguyên đơn Nông Văn O và người đại diện hợp pháp Nông Văn S không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của bị đơn Hoàng Thị C, giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, nhất trí với bản án sơ thẩm, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn L1 nhất trí với ý kiến đã trình bày của bà C.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị L2 nhất trí với ý kiến đã trình bày của Ông O.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị C2 có ý kiến Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/9/2023: Đất tranh chấp giữa các đương sự gia đình tôi đã bán cho bà C, hiện nay tôi không liên quan đến phần đất tranh chấp, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tôi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nông Văn B, bà Thẩm Thị C1 có ý kiến Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/9/2023: chúng tôi chưa từng kê khai xin cấp GCNQSDĐ đối với phần đất tranh chấp, và không hiểu tại sao chúng tôi lại được đứng tên trên GCNQSDĐ, tôi đề nghị HĐXXphúc thẩm giải quyết vắng mặt tôi.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử phúc thẩm là đúng quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết: Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án sơ thẩm nhiều vi phạm về thủ tục tố tụng:

**Thứ nhất: Tòa án không triệu tập đầy đủ người tham gia tố tụng:*

- Diện tích đất đang tranh chấp nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đã được cấp cho hộ ông Nông Văn B và bà Thẩm Thị C1, do UBND huyện H cấp ngày 10/8/2007 đối với thửa số 105, tờ bản đồ số 96, diện tích 126m^2.

Tuy nhiên tòa án nhân dân huyện Hạ Lang không xác định và triệu tập ông Nông Văn B, bà Thẩm Thị C1 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vi phạm Điều Khoản 4 Điều 68, Điều 73 BLTTDS năm 2015.

Hơn nữa Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang cũng không xác minh hộ ông Nông Văn B, bà Thẩm Thị C1 tại thời điểm được cấp GCNQSDĐ bao gồm những người nào để triệu tập họ tham gia tố tụng.

- Bà Hoàng Thị C2 (có chồng là Hoàng Văn K) là người chuyển nhượng đất cho bà Hoàng Thị C, tuy nhiên tòa án nhân dân huyện Hạ Lang cũng không xác định bà Hoàng Thị C2 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để tham gia tố tụng.

**Thứ hai: Chưa xác minh thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ:*

- Chưa xác minh làm rõ những mâu thuẫn trong việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Hoàng Thị C2 cho bà Hoàng Thị C, trong giấy giao sử dụng đất ghi giá tiền là 1.400.000đồng (một triệu bốn trăm ngàn đồng) nhưng BB xác minh ngày 14/6/2023 bà Hoàng Thị C2 lại khai là xác lập giấy tờ viết tay với giá 5.000.000đồng.
- Tại Biên bản xác minh: Hồi 8 giờ 30 ngày 14/6/2023 tại xóm H, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng (BL 119): bà Hoàng Thị C2 có xác nhận "*việc bán đất giữa gia đình tôi với bà C chồng tôi là Hoàng Văn K cũng biết và nhất trí. Khi bán có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được giao cho bà C tại thời điểm nhận tiền*".

Tuy nhiên Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang chưa xác minh làm rõ bà Hoàng Thị C khi nhận tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất có nhận được GCNQSDĐ như bà Hoàng Thị C2 khai không, GCNQSDĐ mang tên ai, cấp khi nào, do ai cấp để từ đó làm rõ việc có hay không giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Hoàng Thị C2, ông Hoàng Văn K đối với thửa đất số 105, tờ bản đồ 96. Đồng thời xác định rõ có đúng là 1 thửa đất đang tồn tại 2 GCNQSDĐ (01 GCNQSDĐ đã cấp cho bà Hoàng Thị C2, ông Hoàng Văn K; 01 GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Nông Văn B, bà Thẩm Thị C1)

- Chưa có công văn hỏi Ủy ban nhân dân huyện H về việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nông Văn B, bà Thẩm Thị C1 có đúng trình tự, thủ tục hay không.
- Tại biên bản xem xét thẩm định ngày 26/4/2023 có xác định: "Hiện trạng trên phần đất đang tranh chấp không có gì, đất để không" đồng nghĩa với hiện trạng bờ rào là hàng cây và chặt phá lưới quây trên phần đất 18,06m^2 không còn, cũng không được mô tả hiện trạng còn lại trên phần đất tranh chấp, hàng cây là cây to hay nhỏ, kích thước là bao nhiêu, lưới quây bị chặt phá là loại lưới gì, kích thước dài rộng như thế nào. Tuy nhiên biên bản định giá tài sản lại đưa ra giá tổng cộng của tài sản định giá là 650.000đồng là không có cơ sở, Hội đồng định giá áp giá tùy tiện ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự.

**Thứ ba: Thẩm phán tiến hành xác minh trong vụ án khi không được phân công tiến hành giải quyết vụ án:*

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án là thẩm phán Nông Văn P (Theo quyết định phân công thẩm phán số 41, ngày 09/01/2023 **(BL 25)** tuy nhiên thẩm phán Sầm Đức H1 tiến hành xác minh dù không có quyết định phân công là thẩm phán giải quyết, khi xét xử vụ án vẫn do thẩm phán Nông Văn P xét xử. Do đó vi

phạm quy định tại Điều 197 BLTTDS năm 2015 (Phân công thẩm phán giải quyết vụ án).

** Thứ tư: Tòa án giải quyết không đúng thẩm quyền:*

Trong vụ án này, trong bản án cấp sơ thẩm không nhận định không xem xét tính hợp pháp của giấy chứng nhận đã cấp cho hộ ông Nông Văn B và bà Thẩm Thị C1 vì đương sự không có yêu cầu là không đúng. Mặc dù đương sự không có yêu cầu hủy giấy chứng nhận, tuy nhiên căn cứ Khoản 1, khoản 2 Điều 34 của Bộ luật Tố tụng Dân sự việc Tòa án xem xét, đánh giá tính hợp pháp đối với quyết định cá biệt (gồm GCNQSDĐ) trong vụ án dân sự không phụ thuộc vào việc đương sự có yêu cầu hay không. Tại thời điểm thụ lý vụ án Tòa án chưa thể biết GCNQSDĐ đó có trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự hay không nên Tòa án cấp huyện vẫn phải thụ lý vụ án theo thẩm quyền quy định tại Điều 26, Điều 35 BLTTDS. Sau khi TAND huyện thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ, xác định có căn cứ rõ ràng phải hủy quyết định cá biệt trái pháp luật là GCNQSDĐ thì mới chuyển hồ sơ vụ án lên TAND cấp tỉnh để xem xét hủy theo thẩm quyền tại khoản 4 Điều 34 BLTTDS và hướng dẫn tại phần II Giải đáp số 02/2016/GĐ-TANDTC ngày 19/9/2016 của TANDTC.

Do đó vụ án này nhận thấy việc Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nông Văn B, bà Thẩm Thị C1 là không đúng quy định, cấp GCNQSDĐ không đúng đối tượng cần phải hủy để cấp lại nhưng lại không chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng để giải quyết theo thẩm quyền mà vẫn xét xử là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Từ những vi phạm nêu trên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Khoản 4, Điều 32 Luật Tố tụng hành chính; phần II Văn bản giải đáp nghiệp vụ số: 02/2016/GĐ-TANDTC ngày 19/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 1, khoản 2 Điều 34; khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự để hủy bản án sơ thẩm số: 07/2023/DS-ST ngày 15/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng chuyển hồ sơ để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.*Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang Tuyên bản án sơ thẩm vào ngày 15/6/2023, ngày 30/6/2023 bà C gửi đơn kháng cáo đến Tòa án. Như vậy, đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tố tụng:

Quá trình nghiên cứu xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, HĐXX phúc thẩm thấy rằng Tòa án sơ thẩm khi giải quyết vụ án đã có một số vi phạm về thủ tục tố tụng, như sau:

Thứ nhất, chưa xác minh đầy đủ, không thu thập chứng cứ tài liệu. Trong hồ sơ không có ý kiến trả lời của Ủy ban nhân dân huyện V thủ tục cấp GCNQSDĐ hộ ông Nông Văn BVà Hoàng Thị C3 đối với thửa đất số 105 tờ bản đồ số 96 (địa chỉ thửa đất tại: Xóm B, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng) và thủ tục cấp GCNQSDĐ hộ ông Hoàng Văn L1bà Hoàng Thị C đối với thửa đất số 107 tờ bản đồ 96 (địa chỉ thửa đất tại: T, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng).

Thứ hai, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ghi không có gì trên đất tuy nhiên vẫn định giá tài sản trên đất. Như vậy là không phù hợp với quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của đương sự.

Thứ ba, bản án không nhận định có chấp nhận hay không chấp nhận đối với đơn phản tố của bị đơn là vi phạm.

Thứ tư, Thẩm phán đi xác minh thu thập chứng cứ, không có quyết định phân công mà vẫn thực hiện.

Thứ năm, Không xem xét về tính hợp pháp của GCNQSDĐ mặc dù đương sự không có yêu cầu Tòa xem xét giải quyết về GCNQSDĐ. Nếu xét thấy cần phải hủy để giải quyết triệt để trong vụ án thì phải chuyển hồ sơ cho Tòa án tỉnh giải quyết theo thẩm quyền (Điều 34 BLTTDS).

Từ những thiếu sót trên, HĐXX phúc thẩm xét thấy những vi phạm của Tòa án sơ thẩm khi giải quyết cụ án là nghiêm trọng, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, do đó cần hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là có căn cứ.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là không có căn cứ,

Ý kiến của vị đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận.

[3] Về án phí: Hoàng Thị C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thẩm định tại chỗ sẽ được xác định lại khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 148, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự; chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị C.

Tuyên xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 15/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm

với thành phần hội đồng xét xử khác.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí thẩm định tại chỗ sẽ được xác định lại khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xác định lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án. Bà Hoàng Thị C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, Bà C được trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002319 ngày 4 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- CCTHADS huyện Hạ Lang;
- TAND huyện Hạ lang;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Toà DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngôn Ngọc Viên